

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2020/HNGĐ - ST**
Ngày 26-8-2020
V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Cường.

2. Bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 26/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1992.

ĐKHKT: Thôn B, xã T, N, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986.

ĐKHKT: Thôn B, xã T, N, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị L và anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2020, bản tự khai ngày 02/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, Thanh Hóa

vào ngày 17/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, chị còn nghi ngờ anh D còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được. Chị về nhà mẹ đẻ ở Hà Trung sinh sống từ tháng 4 năm 2019. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Từ khi ly thân đến nay, hai tháng đầu anh D không đến thăm con, sau đó có đến thăm nhưng mỗi tháng chỉ đến thăm một lần, mỗi lần đều đưa tiền nuôi con, có lần 400.000đ, có lần 500.000đ. Hiện nay, chị không có thai nghén gì. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2014, hiện đang ở với chị L.

Nguyên vọng của chị L khi ly hôn là được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Lan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung: Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản tự khai ngày 02/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng anh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo nghi lễ truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khi mâu thuẫn xảy ra không ai chịu lắng nghe ai nên mâu thuẫn không được giải quyết, vợ chồng trở nên xa cách lạnh nhạt với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vẫn chưa giải quyết được. Theo anh nguyên nhân chị L đề nghị ly hôn với anh có thể là do chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 9 năm 2018, chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 4 năm 2019. trong thời gian sống ly thân, khoảng hai tháng đầu anh không đến thăm con, sau đó mỗi tháng đều đến thăm con và gửi tiền nuôi con, đến thời

điểm hiện tại anh đã gửi khoảng 20.000.000đ để nuôi con, anh vẫn luôn quan tâm đến vợ con, luôn tìm ra phương hướng để giải quyết khúc mắc và đã nhiều lần trao đổi với chị L nhưng chị không nghe. Nay chị L không có thai nghén gì. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2014 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn D cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là không lớn, từ mâu thuẫn nhỏ giữa bố chồng với nàng dâu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, khi mâu thuẫn, chị L không cho anh quan hệ sinh lý nên dẫn đến anh có đi ra ngoài tìm kiếm để chị L phát hiện được và làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng. Tuy nhiên anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị L, mâu thuẫn vợ chồng có thể giải quyết được. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị L. Nếu Tòa án vẫn giải quyết cho ly hôn thì anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại Thôn Bi Kiều, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Ngày 05/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn D, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt anh D, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

[2] *Về nội dung*:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, Thanh Hóa ngày 17/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị ly hôn anh D. Anh D xét thấy vẫn còn tình cảm với chị L và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2014. Hiện nay cháu Đ đang sống cùng chị L.

Nguyên vọng của chị L sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên vọng của anh D là được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của chị L và anh D thấy rằng:

Chị L và anh D kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, Thanh Hóa ngày 17/01/2014, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2019. Đến nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án được ly hôn. Về phía anh D xét thấy vẫn còn tình cảm với chị L nên mong muốn đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã nhiều lần hòa giải để chị L và anh D quay về đoàn tụ, tuy nhiên chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xác định không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn với anh D, về phía anh D mặc dù mong muốn đoàn tụ nhưng không có phương án để giải quyết mâu thuẫn, hơn nữa cuộc sống vợ chồng luôn có sự nghi ngờ, không tin tưởng lẫn nhau; vợ chồng đã sống ly thân với nhau thời gian dài; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc nhưng không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp.

Về con chung: Anh D và chị L có một con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2014, hiện nay cháu Đ đang sống cùng chị L.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng

nuôi con

Về phía anh D, anh xin được nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị L và anh D thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Hải Đ đang ở với chị L, hơn nữa cháu còn nhỏ, cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản và nợ chung cho hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2014 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nhưng anh D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Nông Công theo biên lai thu số AA/2019/0002139 ngày 23/6/2020. Chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí.

5. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L và anh D. Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Công;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Trung Chính, Nông Công;
- Lưu hồ sơ; Lưu VT. TH13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Kỳ Anh